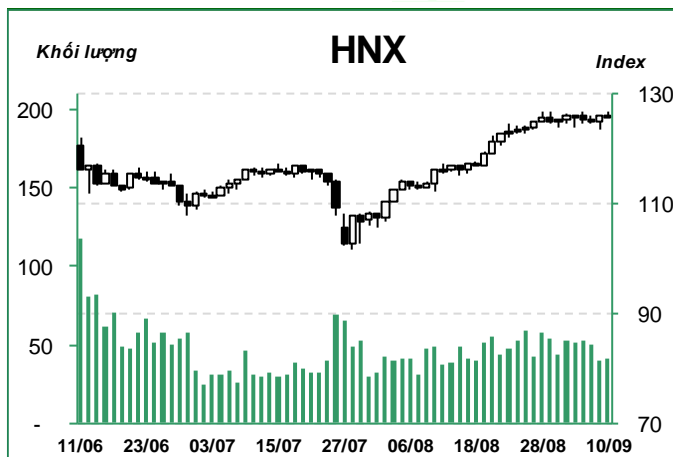
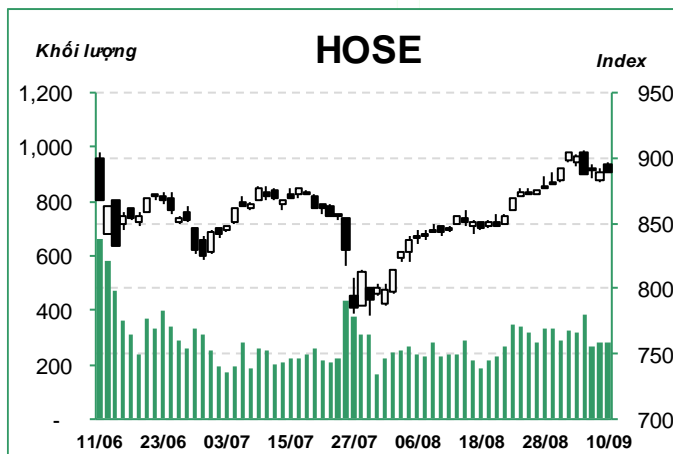


## Tổng quan thị trường

10/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>888.82</b>	<b>-0.06%</b>	<b>825.85</b>	<b>0.17%</b>	<b>125.82</b>	<b>-0.09%</b>
Cuối tuần trước	901.54	-1.41%	840.54	-1.75%	126.15	-0.26%
Trung bình 20 ngày	876.82	1.37%	813.45	1.52%	123.86	1.58%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>387.24</b>	<b>21.60%</b>	<b>146.18</b>	<b>58.72%</b>	<b>47.59</b>	<b>-0.19%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>283.02</b>	<b>0.28%</b>	<b>67.66</b>	<b>-18.47%</b>	<b>40.62</b>	<b>1.35%</b>
Trung bình 20 ngày	293.12	-3.45%	81.76	-17.24%	49.16	-17.38%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>11,429.46</b>	<b>90.96%</b>	<b>7,720.05</b>	<b>200.40%</b>	<b>545.36</b>	<b>-12.20%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>4,886.13</b>	<b>-5.16%</b>	<b>2,038.80</b>	<b>-13.56%</b>	<b>446.61</b>	<b>-12.07%</b>
Trung bình 20 ngày	5,123.25	-4.63%	2,326.36	-12.36%	579.85	-22.98%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	221	47%	11	37%	90	25%
<b>Số mã giảm</b>	179	38%	9	30%	61	17%
<b>Số mã đứng giá</b>	72	15%	10	33%	205	58%



Thị trường chứng khoán Việt Nam mở cửa trong tâm trạng phấn khởi khi nhà đầu tư lạc quan trước đà hồi phục trở lại của phố Wall đêm qua. Các chỉ số đồng loạt tăng điểm ngay từ đầu phiên. Tuy nhiên, áp lực bán cuối phiên lại bất ngờ tăng mạnh đã kéo cả 2 chỉ số VN-Index và HNX-Index đồng loạt đóng cửa trong sắc đỏ.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa tại mức 888.82 điểm (-0.06%). Thanh khoản tăng mạnh trong phiên hôm nay lên hơn 11,429 tỷ nhưng chủ yếu là giao dịch thỏa thuận. Trong khi đó, giao dịch khớp lệnh giảm nhẹ còn 4,886 tỷ đồng (-5.2%), tương đương 283.0 triệu cổ phiếu (+0.3%). Dù giảm điểm, độ rộng thị trường vẫn nghiêng về bên mua với 221 mã tăng so với 179 mã giảm.

Các cổ phiếu trụ nhìn chung có diễn biến phân hóa. Sau chuỗi tăng trần ấn tượng, Becamex IDC-BCM (-6.3%) bất ngờ bị bán mạnh trong phiên giao dịch hôm nay và là cổ phiếu có tác động tiêu cực nhất đến chỉ số. Theo sau là những cổ phiếu trụ khác như Vinhomes-VHM (-0.6%), BIDV-BID (-0.7%) hay Petrolimex-PLX (-1.6%). Ở chiều ngược lại, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.2%), Vinamilk-VNM (+0.7%), Techcombank-TCB (+1.2%) hỗ trợ tích cực nhất cho chỉ số.

Khối ngoại bất ngờ mua ròng mạnh trên sàn HoSE hôm nay, đạt giá trị 4,740.9 tỷ đồng. Tuy nhiên, lượng mua này chủ yếu đến từ thỏa thuận mua của Vinhomes-VHM (+5,496.9 tỷ). Do đó, nếu không tính đến lượng thỏa thuận này thì khối ngoại tiếp tục bán ròng khá mạnh. Ngoài Vinhomes-VHM, những cổ phiếu khác cũng được khối ngoại mua ròng nhiều là Vincom Retail-VRE (+8.7 tỷ), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+5.7 tỷ) hay Nam Long-NLG (+4.0 tỷ). Trong khi đó, Hòa Phát-HPG

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VHM	72,305.0	5,422.97
VGC	7,761.0	159.57
MSN	1,632.0	89.76
HPG	2,300.0	56.44
NVL	895.0	56.10
HNG	3,000.0	37.65
VPI	800.0	32.00
DHC	550.0	25.30
HPX	766.7	19.93
CII	950.0	17.53
<b>HNX</b>		
SHB	3,000.0	41.70
VC3	1,203.8	20.11
SHS	1,350.0	15.25
VMC	580.0	6.38
NTP	194.1	5.73
NTH	100.0	2.75
CEO	392.9	2.55
PVI	52.2	1.58
VCS	20.0	1.42
ACB	50.0	1.05

(-247.2 tỷ), Vinamilk-VNM (-27.2 tỷ), 577 CORP-NBB (-22.0 tỷ) bị khối này bán ròng nhiều nhất.

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index dao động quanh mốc tham chiếu trong phần lớn thời gian giao dịch trước khi đóng cửa giảm điểm nhẹ tại mức 125.82 điểm (-0.09%). KLGĐ khớp lệnh đạt 40.6 triệu cổ phiếu (+1.4%), tương đương 446.6 tỷ đồng giá trị (-12.1%).

Thaiholdings-THD (-6.1%), Vinaconex-VCG (-0.8%), Sông Đà 9.09 (SCI)-S99 (-5.3%) gây áp lực chính cho chỉ số. Bên cạnh đó, các trụ cột ngân hàng quay về tham chiếu vào cuối phiên cũng khiến HNX-Index mất đi trụ cột nâng đỡ. Ở chiều ngược lại, Bột giặt Net-NET (+9.1%), SCI E&C-SCI (+9.6%) và Bảo hiểm Bưu điện-PTI (+4.0%) là những cổ phiếu tiêu biểu ở chiều tăng điểm.

Khối ngoại đảo chiều mua ròng trên sàn Hà Nội hôm nay với giá trị 1.8 tỷ đồng. Trong đó, Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+6.3 tỷ), Nhựa Tiên Phong-NTP (+1.5 tỷ), Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.4 tỷ) là những cổ phiếu được mua ròng nhiều bởi khối ngoại. Trái lại, Vimeco-VMC (-1.4 tỷ), Y tế Việt Mỹ-AMV (-0.8 tỷ), Sông Đà 10-SDT (-0.7 tỷ) bị khối này bán ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp. Khối lượng giao dịch tiếp tục duy trì dưới mức bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền vẫn khá thận trọng. Không những vậy, chỉ số tiếp tục đóng cửa dưới MA5 và MACD hội tụ với Signal cho tín hiệu mua suy yếu, áp lực điều chỉnh vẫn đang hiện diện. Tuy nhiên, chỉ số vẫn giữ trên MA20 cùng với ADX nằm trên 25 và +DI nằm trên -DI, cho thấy xu hướng chính trong ngắn hạn vẫn là phục hồi. Do đó, chúng tôi cho rằng, nhịp điều chỉnh hiện tại có thể chỉ mang tính kỹ thuật với vùng hỗ trợ gần quanh ngưỡng 880 điểm (vùng đỉnh tháng 7/2020) và xa hơn có thể quanh 867-868 điểm (MA20 và 200). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm trở lại, nhưng vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 và 20, cho thấy chỉ số có thể vẫn giữ được xu hướng phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính kỹ thuật, với hỗ trợ quanh 122.7 điểm (MA20). Nhìn chung, thị trường đang trong nhịp điều chỉnh mang tính rũ bỏ các vị thế yếu nhằm củng cố cho xu hướng phục hồi chính bền vững hơn. Do đó, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục hợp lý hơn.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
L10	16.1	2.3	7.0%
IDI	4.8	6,689.1	7.0%
TIP	26.9	753.4	7.0%
VRC	6.7	306.4	6.9%
FTM	1.4	663.5	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HOT	41.9	0.0	-7.0%
DTA	4.0	55.6	-6.9%
TMT	5.4	2.0	-6.9%
SMA	11.6	1.1	-6.8%
SFC	21.5	0.0	-6.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	78.1	333.8	-0.6%
HPG	24.6	297.9	0.2%
GEX	25.9	198.3	-0.6%
SSI	15.9	140.5	0.0%
VNM	124.7	105.9	0.7%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DLG	1.5	12,203.4	6.6%
HPG	24.6	12,106.3	0.2%
HQC	1.7	10,059.4	0.0%
SSI	15.9	8,787.7	0.0%
HAG	4.8	8,369.7	-0.8%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.7	1,325.1	16.7%
BII	1.1	1,199.1	10.0%
VNF	28.6	30.0	10.0%
VTL	19.8	0.2	10.0%
SFN	19.9	0.1	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
KTS	9.9	0.3	-10.0%
TTL	6.4	0.2	-9.9%
VGP	20.3	0.5	-9.8%
VTJ	3.8	32.4	-9.5%
PJC	21.8	0.2	-9.2%

#### Top 5 giá trị

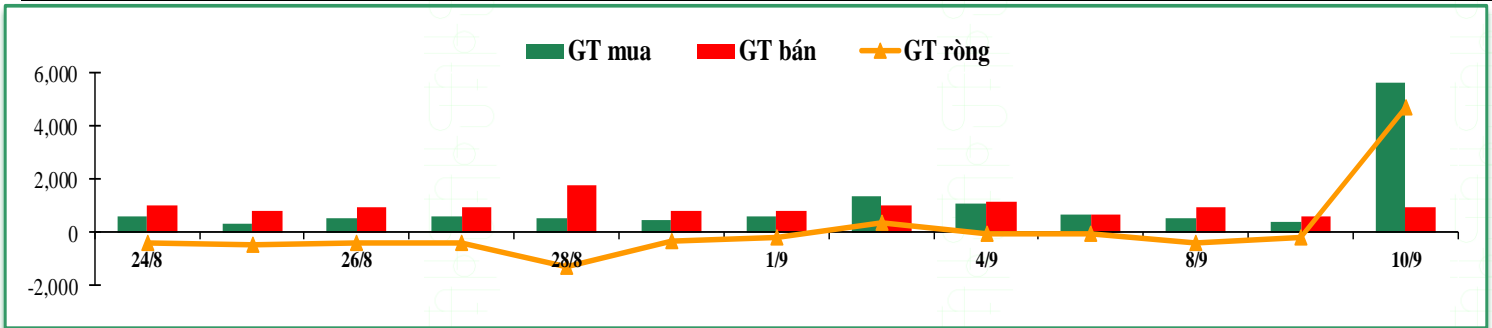
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	20.9	68.3	0.0%
AMV	17.9	37.2	3.5%
SHB	13.9	34.1	0.0%
NVB	8.5	29.1	0.0%
TAR	21.9	20.5	-0.9%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NVB	8.5	3,459.9	0.0%
ACB	20.9	3,249.3	0.0%
SHB	13.9	2,441.3	0.0%
AMV	17.9	2,073.7	3.5%
MST	3.0	1,718.0	7.1%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	5,677.6	116.2%	936.7	19.2%	4,740.9
HNX	9.5	2.1%	7.7	1.7%	1.8
<b>Tổng số</b>	<b>5,687.1</b>		<b>944.4</b>		<b>4,742.7</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	78.1	5,713.8	-0.6%
VNM	124.7	32.4	0.7%
PLX	50.1	25.6	-1.6%
HPG	24.6	24.4	0.2%
VIC	90.5	22.4	0.0%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	24.6	271.5	0.2%
VHM	78.1	216.9	-0.6%
VNM	124.7	59.6	0.7%
VIC	90.5	34.5	0.0%
PLX	50.1	28.1	-1.6%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	78.1	5,496.9	-0.6%
VRE	28.4	8.7	0.0%
GVR	12.8	5.7	3.2%
HDB	29.3	4.1	0.7%
NLG	27.5	4.0	0.4%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.9	6.3	0.0%
NTP	32.0	1.5	1.0%
TIG	7.1	0.5	0.0%
BVS	10.8	0.2	0.9%
SRA	14.8	0.2	-0.7%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VMC	11.5	1.4	9.5%
AMV	17.9	0.9	3.5%
SDT	4.3	0.8	7.5%
PVS	12.4	0.7	0.0%
TNG	12.8	0.6	0.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	13.9	6.3	0.0%
NTP	32.0	1.5	1.0%
TIG	7.1	0.4	0.0%
SRA	14.8	0.2	-0.7%
VCS	67.8	0.1	-0.2%

## Tin trong nước

### **ICAEW: Việt Nam tăng trưởng 2,3% trong năm 2020 rồi sẽ tăng vọt lên 8% vào 2021**

Covid-19 đã và đang tạo ra cú sốc lên sự tăng trưởng nặng nề nhất ở Đông Nam Á kể từ cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế mới nhất từ Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW), tăng trưởng của cả khu vực dự báo sẽ giảm 4,2% vào năm 2020.

Báo cáo cũng đưa ra dự đoán rằng, triển vọng phục hồi có vẻ sáng nhất đối với Việt Nam, quốc gia đã ngăn chặn dịch rất hiệu quả cho đến nay. Việt Nam được dự đoán là nền kinh tế Đông Nam Á duy nhất ghi nhận khả năng tăng trưởng dương trong năm nay với GDP tăng 2,3% trong năm 2020 và 8% vào năm 2021.

Trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu (Global Economic Outlook report from Oxford Economics), ICAEW nhận định rằng các hoạt động kinh tế bắt đầu khởi sắc trở lại và tăng trưởng dự kiến sẽ phục hồi ở mức 6,4% vào năm 2021. Tuy nhiên, tốc độ phục hồi trong nửa cuối năm 2020 sẽ có sự khác nhau giữa các quốc gia trong khu vực, tùy thuộc vào việc nới lỏng các hạn chế đóng cửa và sức cải thiện nhu cầu xuất khẩu.

Sự bùng phát dịch Covid-19 đã làm giảm GDP toàn cầu khoảng 9% trong nửa đầu năm 2020, ít nhất thiệt hại gấp ba lần quy mô của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2009. Mặc dù nhận thấy có sự phục hồi trong quý 3 với chỉ số 6,4%, báo cáo này cho thấy GDP thế giới sẽ giảm tổng thể 4,4% trong năm 2020.

Báo cáo cũng đưa ra dự đoán rằng, triển vọng phục hồi có vẻ sáng sủa nhất đối với Việt Nam, quốc gia đã ngăn chặn dịch rất hiệu quả cho đến nay. Việt Nam được dự đoán là nền kinh tế Đông Nam Á duy nhất ghi nhận khả năng tăng trưởng tích cực trong năm nay với GDP tăng 2,3% trong năm 2020 và 8% vào năm 2021.

Xuất khẩu lô tô m đầu tiên sang EU theo hiệp định EVFTA

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), EU là thị trường lớn thứ 4 (sau Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc), chiếm 13,3% tổng giá trị của XK tôm Việt Nam.

Ngay khi EVFTA có hiệu lực, một số mặt hàng tôm Việt Nam sang EU như tôm mã HS03061100 có mức thuế 12,5% trở về 0%; tôm mã HS03061710 từ mức 20% xuống 0%; tôm mã HS03061791, 03061792, 03061793, 03061799 từ mức 12% cũng xuống 0%.

Sau 5 năm kể từ khi hiệp định có hiệu lực, tôm mã HS03061794 có thuế suất từ 18% sẽ giảm về 0%. Sau 7 năm, tôm mã HS16052110 (tôm dạng bột nhão) và tôm mã HS16052190 (tôm khác) sẽ được điều chỉnh từ mức 20% về 0%.

Sau khi giảm liên tục từ tháng 3-6 năm nay, XK tôm Việt Nam sang EU trong tháng 7 đạt 54,2 triệu USD (tăng 2% so với tháng 7/2019), nửa đầu tháng 8 đạt 29,4 triệu USD (tăng 26% so với cùng kỳ năm 2019) và cả tháng 8 dự kiến tăng khoảng 20% so với cùng kỳ 2019.

Tại thị trường EU, các đối thủ cạnh tranh chủ yếu của tôm Việt Nam như Thái Lan không được hưởng ưu đãi nên có mức thuế cơ bản 12%; Ấn Độ chịu thuế 4,2%; Indonesia chịu thuế 4,2% và Ecuador vẫn chịu mức thuế cơ bản 12%.

Dự báo XK tôm Việt Nam sang EU từ nay đến hết năm sẽ tiếp tục tăng mặc dù tốc độ tăng chưa cao do vẫn chịu tác động từ dịch COVID-19.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **ASG giao dịch trên HoSE từ 24/9, giá tham chiếu giảm xuống 30.000 đồng/cp**

Tập đoàn ASG (HoSE: ASG) sẽ giao dịch hơn 63 triệu cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) vào ngày 24/9. Giá tham chiếu được điều chỉnh xuống 30.000 đồng/cp thay vì 36.000 đồng/cp như trong bản cáo bạch. Tính theo giá này, ASG có vốn hóa 1.891 tỷ đồng.

Theo HĐQT, sự thay đổi này được đưa ra trên quan điểm thận trọng trước các biến động vĩ mô của nền kinh tế Việt Nam, ảnh hưởng của dịch Covid-19 đối với ngành hàng không nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nói riêng.

Tập đoàn ASG, tiền thân là CTCP Dịch vụ Bưu chính Interserco, được thành lập từ năm 2010, hoạt động hỗ trợ cho vận tải hàng không như dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa, vận tải... Đặc biệt, ASG là đơn vị lớn nhất cung cấp dịch vụ khai thác hàng hóa hàng không theo quy trình kho hàng không kéo dài tại sân bay Nội Bài và khu vực phía Bắc với 40% doanh thu hợp nhất đến từ dịch vụ này. Tổng công suất phục vụ khoảng 360.000 – 540.000 tấn/năm.

Tính đến 12/5/2020, ASG chỉ có hai cổ đông lớn là Công ty cổ phần Giao nhận và Kho vận Quốc tế (8,89%) và Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành (6,48%).

6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh giảm 17% còn 343,3 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế giảm mạnh 62% còn 33 tỷ đồng. Năm 2020, ASG đặt mục tiêu doanh thu 818,5 tỷ đồng, giảm 10% so với thực hiện 2019. Lợi nhuận sau thuế là 105,2 tỷ đồng, giảm 33%. Sau nửa năm, doanh nghiệp dịch vụ hàng không hoàn thành 42% kế hoạch doanh thu và 31% kế hoạch lợi nhuận.

### **CNG trả cổ tức tiền mặt 15%**

HĐQT Công ty CNG Việt Nam (HoSE: CNG) thông qua việc thanh toán cổ tức còn lại năm 2019 bằng tiền mặt, tỷ lệ 15% (1 cổ phiếu nhận được 1.500 đồng). Với 27 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi 40,5 tỷ đồng để trả cổ tức.

Tổng công ty Khí Việt Nam là cổ đông lớn nhất nắm giữ 56% vốn, dự kiến nhận về 15,1 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng là 30/9, tương ứng với ngày giao dịch không hưởng quyền là 29/9. Công ty tiến hành thanh toán vào 23/10. Năm 2019, công ty thực hiện chi trả cổ tức tỷ lệ 25%.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2020, CNG đạt 1.034 tỷ đồng doanh thu thuần giảm nhẹ so với cùng kỳ. Gánh nặng giá vốn khiến lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 14 tỷ đồng, giảm 66,7%. Năm 2020, CNG đặt mục tiêu doanh thu đạt 3.351 tỷ đồng và 80 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Theo đó, kết thúc nửa đầu năm 2020, CNG mới chỉ hoàn thành được 31% mục tiêu về doanh thu và 17,5% mục tiêu về lợi nhuận.

### **Nhóm Sonadezi góp vốn lập công ty mới 400 tỷ đồng**

Tổng CTCP Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi, UPCoM: SNZ) thông qua tỷ lệ góp vốn thành lập Sonadezi Bình Thuận với vốn điều lệ 400 tỷ đồng. Trong đó riêng Sonadezi sẽ góp 168 tỷ đồng để nắm giữ 42% vốn.

Ngoài ra một số đơn vị thành viên của tổng công ty cũng tham gia góp vốn vào Sonadezi Bình Thuận như Sonadezi Long Thành (HoSE: SZL), Sonadezi Long Bình (HNX: SZB), Cảng Đồng Nai (HoSE: PDN) và Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (HoSE: D2D).

Sonadezi Bình Thuận được cấp phép thành lập vào ngày 5/6 với vốn điều lệ 400 tỷ đồng. Đây là chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Tân Đức (tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận) với quy mô 300 ha, tổng mức đầu tư 1.200 tỷ đồng. Dự án dự kiến khởi công xây dựng trong năm 2021 và bắt đầu cho thuê đất từ quý I/2022.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FMC	Chốt lời	11/09/20	32	27.7	15.5%	34.6	24.9%	26.7	-3.6%	Tín hiệu suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Hỗ trợ / Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	FRT	Quan sát mua	11/09/20	24.45	27.5	Phiên tăng tốt vol cao trở lại sau nhịp tạo nền quanh MA50, khả năng quay lại nhịp tăng ngắn hạn -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về quanh 24.2
2	LIX	Quan sát mua	11/09/20	55.7	60-61	Tín hiệu tích lũy ngắn hạn quanh các đường MA + có phiên tăng cắt lên lại các đường MA kèm vol trung bình -> vượt 56 sẽ cho tín hiệu thoát nền vào nhịp tăng ngắn
3	BFC	Quan sát mua	11/09/20	15.95	17.7-18.3	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với vol thấp sau phiên bật tăng mạnh từ vùng EMA -> khả năng sớm tăng trở lại
4	DHC	Quan sát mua	11/09/20	46.6	48.5-49.5	Tín hiệu điều chỉnh tích cực với vol thấp sau phiên bật tăng mạnh từ vùng EMA -> khả năng sớm tăng trở lại
5	VHM	Quan sát bán	11/09/20	78.1	70	Nhịp tích lũy có phần tiêu cực với số nền giảm chiếm ưu thế kèm vol tăng dần + MACD vẫn đang giảm dưới Signal -> xác suất thủng nền đang khá cao, thủng 77.5 sẽ xác nhận

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	DGC	Nắm giữ	20/08/20	40.5	33.45	21.1%	43.5	30.0%	31.8	-5%	
2	VRE	Mua	27/08/20	28.4	27.2	4.4%	28.6	5.1%	26.6	-2%	
3	DBC	Mua	10/09/20	47.85	48	-0.3%	57	19%	45	-6%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 10/09/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,370	0 %	-11%	3,557	97	73,800	146	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	10,280	-2.5 %	41%	1,428	60	49,200	689	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,680	-1.2 %	12%	753	49	49,200	1,170	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,550	-1.9 %	-8%	6,935	43	49,200	1,171	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,430	2.9 %	-5%	1,020	126	49,200	580	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	640	1.6 %	-41%	2,014	25	29,300	507	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,550	0.8 %	17%	4,589	28	29,300	2,329	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,110	-1.1 %	429%	31	21	24,550	5,583	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	4,020	-4.5 %	168%	1,519	6	24,550	1,270	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	3,770	-0.5 %	-8%	17,552	81	24,550	43	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	3,880	-4.2 %	143%	4,539	49	24,550	1,076	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,700	2.0 %	-7%	1,278	130	24,550	585	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	6,820	-1.0 %	-1%	2,671	82	24,550	1,157	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	6,700	-0.2 %	-7%	2,256	221	24,550	1,460	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,120	-0.2 %	-9%	4,376	172	24,550	978	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,450	0.7 %	-5%	9,911	88	54,800	584	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,510	-5.6 %	14%	3,877	126	24,550	165	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,080	1.0 %	25%	10,807	71	59,800	1,429	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,830	1.7 %	22%	10,943	71	11,200	1,085	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,360	5.8 %	30%	7,783	88	124,700	1,851	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CVPB2009	1,630	2,030	1.5 %	25%	8,037	71	22,800	1,373	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,280	3.2 %	-36%	3,356	60	17,800	305	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	-	0 %	-100%	-	46	17,800	0	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,060	6.0 %	-4%	1,186	49	17,800	687	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,290	3.2 %	-8%	915	126	17,800	660	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	570	0 %	-75%	8,987	97	54,800	6	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	40	0 %	-98%	9,659	6	54,800	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	470	-2.1 %	-78%	8,876	49	54,800	3	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,400	2.2 %	-26%	4,670	126	54,800	410	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	3,050	4.1 %	22%	633	21	93,900	1,095	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	250	-26.5 %	-88%	1,192	46	93,900	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	11,500	-1.2 %	-11%	1,517	81	93,900	8,008	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	1,210	1.7 %	-7%	19,701	47	93,900	925	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,730	4.9 %	8%	13,446	43	93,900	1,524	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,790	-0.6 %	28%	12,608	126	93,900	1,336	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,940	14.1 %	-16%	101	97	62,800	87	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,510	2.9 %	26%	1,076	181	62,800	917	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	390	8.3 %	-84%	2,266	21	59,800	(0)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	130	-7.1 %	-94%	9	46	59,800	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	480	4.4 %	-52%	5,336	49	59,800	107	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	850	4.9 %	-15%	129	126	59,800	345	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	1,830	21.2 %	83%	11,288	49	39,000	1,824	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	3,200	23.6 %	104%	9,714	43	39,000	3,202	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,060	22.6 %	58%	7,000	126	39,000	1,716	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	160	0 %	-84%	1,851	97	2,170	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	200	-59.2 %	-93%	2,805	97	14,100	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	990	3.1 %	-42%	6,102	97	11,200	199	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	210	-38.2 %	-85%	43,553	6	11,200	97	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2004	1,400	1,160	1.8 %	-17%	6,374	81	11,200	501	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	380	-9.5 %	-65%	10,567	54	11,200	29	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	780	0 %	-48%	1,462	207	11,200	200	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	310	3.3 %	-85%	1,075	46	21,450	0	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,640	-1.8 %	-45%	4,192	81	21,450	447	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,910	7.9 %	59%	4,761	49	21,450	1,762	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,670	8.4 %	-2%	365	126	21,450	993	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,090	1.9 %	-65%	81	97	78,100	11	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	7,240	-1.6 %	-37%	18,253	81	78,100	3,190	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,250	8.7 %	25%	39,713	49	78,100	839	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	250	4.2 %	-83%	4,956	25	78,100	0	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,000	-1.0 %	-29%	9,605	126	78,100	357	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVJC2001	2,400	200	17.7 %	-92%	1,597	97	106,000	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	-	0 %	-100%	-	49	106,000	1	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	100	-9.1 %	-94%	17,762	25	106,000	(0)	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	15,680	11.6 %	-10%	1,890	81	124,700	8,157	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,550	4.1 %	70%	2,112	49	124,700	2,212	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	420	5.0 %	-73%	1,965	25	124,700	0	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,490	8.0 %	-38%	1	181	124,700	287	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,080	-5.9 %	16%	1,043	126	124,700	1,284	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,480	-4.5 %	-56%	3,141	81	22,800	372	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	950	0 %	-44%	8,362	49	22,800	341	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,650	2.5 %	-8%	1,096	126	22,800	878	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	380	2.7 %	-87%	2,980	97	28,400	1	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,670	-0.7 %	-33%	3,597	81	28,400	1,256	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,470	0.7 %	34%	1,573	49	28,400	1,373	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	680	0 %	-55%	838	207	28,400	196	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,280	1.6 %	7%	1,462	126	28,400	781	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">VCB</a> (New)	HOSE	82,100	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a> (New)	HOSE	48,800	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a> (New)	HOSE	58,500	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a> (New)	HOSE	28,400	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,050	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	93,900	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	62,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,350	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	123,700	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	54,800	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	24,550	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	102,900	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	104,000	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	22,800	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	56,300	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,200	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	59,800	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	41,300	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	15,350	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	51,400	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Quản Lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Quản Lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phfm.vn](http://www.phfm.vn)